

Bản án số: **87/2019/HS-ST**

Ngày: 25 - 10 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG

THành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Ninh;
2. Bà Đặng Thị Huệ.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thúy Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Trần THnh Đô - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Sơn, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 79/2019/TLST-HS, ngày 25/9/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2019/QĐXXST-HS, ngày 10/10/2019, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, sinh ngày 15/7/1982; trú tại: Thôn TT, xã TL, huyện SD, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 3/12; con ông Nguyễn Hữu H (Đã chết) và con bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1936; vợ Nguyễn Thị T1, sinh năm 1984; con: Có 03 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2016;

Tiền án: Có 01 tiền án:

+ Bản án số 46/2018/HSST ngày 31/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện SD xử phạt Nguyễn Văn T 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 30 tháng về tội buôn bán Hng cấm.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Ma Văn T2**, sinh ngày 13/11/1986; trú tại: Thôn YT, xã TY, huyện SD, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; giới tính: Nam; dân tộc: Tày; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 06/12; con ông Ma Văn X (Đã chết) và con bà Phan Thị Đ (Đã chết); vợ: Nguyễn Thị H1, sinh năm 1990; con: Có 02, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2011;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/6/2019 đến ngày 04/7/2019, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

** Bị hại:*

- Ông Thèn Văn S, sinh năm 1964; trú tại: Thôn KTN, xã KQ, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

- Ông Thèn Văn T3, sinh năm 1964; trú tại: Thôn KTN, xã KQ, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

(ông Sín, ông Trà đều có mặt tại phiên toà)

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Phùng Đức T4, sinh năm 1973; trú tại: Thôn TH, xã TH1, huyện SD, tỉnh Tuyên Quang.

- Anh Trần Văn V, sinh năm 1973; trú tại: Thôn PL, xã PU, huyện SD, tỉnh Tuyên Quang.

- Chị Nguyễn Thị T5, sinh năm 1984; trú tại: Thôn TT, xã TL, huyện SD, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị T5 có mặt; anh T4, anh V đều vắng mặt tại phiên toà)

** Người làm chứng:*

- Anh T6, sinh năm 1972; trú tại: Thôn TQ, xã TL, huyện SD, tỉnh Tuyên Quang;

- Anh Nguyễn Công B, sinh năm 1981; trú tại: Thôn KB, xã ĐP, huyện SD, tỉnh Tuyên Quang;

- Anh Lưu Xuân C1, sinh năm 1975; trú tại: Thôn LB, xã TT1, huyện SD, tỉnh Tuyên Quang.

(Anh T6, anh B, anh C1 đều vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 11/6/2019 tại thôn KTN, xã KQ, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, Ma Văn T2 trú tại thôn YT, xã TY, huyện SD, tỉnh Tuyên Quang và Nguyễn Văn T trú tại thôn TT, xã TL, huyện SD, tỉnh Tuyên Quang đã thực hiện Hình vi trộm cắp tài sản (trâu) 02 lần, cụ thể nhý sau:

Đầu tháng 6/2019 do thiếu tiền chi T2 nên Nguyễn Văn T gọi điện rủ Ma Văn T2 đi trộm cắp trâu, T2 đồng ý. T đến nh T2 bàn bạc chuẩn bị công cụ, phương tiện đi trộm cắp trâu. T2 nói với T *"Tìm xem có cửa nào ăn trâu thật không"*, T nói *"Bây giờ khó lắm, không có cửa ăn trâu thật đâu, cứ đi bắt về, khi nào có bọn Vĩnh Phúc lên mua thì bán, bây giờ trộm trâu thì vận chuyển kiểu gì"*, T2 nói *"thế thì khó quá"*, T nói *"Bây giờ mỗi thằng góp vài triệu để mua xe chở"*, T2 nói *"em không có tiền, anh có thì ứng ra đi"*, T nói *"Để anh về vay tiền"*. Khoảng 02 ngày sau T chuẩn bị

6.000.000 đồng cùng T2 đến anh Lưu Xuân C trú tại thôn LB, xã TT1, huyện SD, tỉnh Tuyên Quang đặt mua 01 xe kéo tự chế với giá 2.800.000 đồng, rồi đến nh Phùng Đức Triển trú tại thôn TH, xã TH1, huyện SD, tỉnh Tuyên Quang mua 01 xe mô tô biển số 22K5-7700 với giá 1.950.000 đồng. Sau đó mang xe đến nh Lưu Xuân C1 trú tại thôn LB, xã TT1, huyện SD, tỉnh Tuyên Quang nhờ C1 làm giá để gắn xe kéo tự chế vào phần yên sau xe mô tô.

Khoảng 15 giờ ngày 10/6/2019, T điều khiển xe mô tô biển số 22S1-214.93 (xe của vợ T là Nguyễn Thị Hoa, trú cùng địa chỉ) cùng T2 đi theo đường Quốc lộ 2C đến thôn KTN, xã KQ, huyện Yên Sơn để thăm dò vị trí trộm cắp Trâu. Cả hai phát hiện nh ông Thèn Văn Trà và ông Thèn Văn Sín trú tại thôn KTN có chuồng nuôi trâu, sau khi xác định được vị trí trộm cắp cả hai đi về nh T2. Khoảng 19 giờ cùng ngày T và T2 đến nh C1 lấy xe mô tô biển số 22K5-7700 kéo theo xe kéo tự chế, T ngồi phía sau thùng xe, T2 điều khiển xe đi theo đường Quốc lộ 2C từ xã TT1, huyện SD đến thôn KTN, xã KQ, huyện Yên Sơn. Khoảng 01 giờ ngày 11/6/2019 thì đến thôn KTN, T giấu xe vào ruộng ngô bên phải đường Quốc lộ 2C và cùng T2 đi bộ lội qua sông Phó Đáy đến nh ông Thèn Văn Trà. Quan sát nh ông Trà đã đóng cửa đi ngủ, thấy chuồng trâu cách nh ông Trà 15m, trong chuồng có 02 con trâu (gồm: 01 con trâu cái lông màu đen, 3,5 năm tuổi, nặng 289kg và 01 con trâu đực 03 năm tuổi), T mở cửa chuồng, T2 cởi dây chạc dắt con trâu cái lông màu đen ra ngoài thì con trâu đực đi theo. Cả hai dắt trâu đi được khoảng 100m thì có tiếng động nên hai con trâu bỏ chạy, sợ bị phát hiện T và T2 bỏ chạy ra vị trí để xe mô tô rồi tiếp tục điều khiển xe đến nh ông Thèn Văn Sín (cách nh ông Trà 300 mét) để trộm cắp trâu.

Đến nơi, T và T2 cất xe vào vườn keo ven đường và đi bộ theo đường bờ ruộng đến chuồng trâu nh ông Sín (cách đường Quốc lộ 2C 06m). Quan sát không có người, bên trong chuồng có 02 con trâu cái lông màu đen và 01 con bò, T đi vào chuồng cởi dây chạc trộm cắp 01 con trâu cái 04 năm tuổi nặng 300kg đưa cho T2 dắt ra chỗ xe kéo. Sau đó, T dắt xe kéo, T2 dắt trâu đi bộ khoảng 1km thì cả hai cho trâu lên xe kéo, T điều khiển xe mô tô, T2 ngồi phía sau giữ càng xe kéo chở trâu đi về hướng huyện SD. Đi được khoảng 2km thì xe bị hỏng, T2 dắt trâu đi bộ, T dắt xe đi theo đến khu vực xã PU, huyện SD, cả hai buộc trâu vào đồi trồng keo ven đường rồi đi về nh T2 ngủ. Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 11/6/2019 T thuê xe ô tô của một người không quen biết chở trâu về nh T. Ngày 21/6/2019 T bán con trâu cho Đỗ Hồng Thảo, trú tại thôn TQ, xã TL, huyện SD, tỉnh Tuyên Quang với giá 22.900.000 đồng. Do trâu bị ốm nên Thảo bán lại con trâu cho Nguyễn Công B trú tại thôn Lý Sứ, xã Đại Phú, huyện SD với giá 20.000.000 đồng, con trâu này B đã mổ thịt bán. Số tiền bán trâu T chia cho T2 8.500.000 đồng, còn lại 14.400.000 đồng T chi T2 hết.

Cuối tháng 6/2019, T và T2 bán chiếc xe kéo tự chế cho Trần Văn Võ với giá 1.500.000 đồng (Võ chưa trả tiền), bán chiếc xe mô tô biển số 22K5-7700 cho Phùng Đức Triển với giá 1.450.000 đồng. Số tiền bán xe mô tô T và T2 chi T2 cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 22/KLĐG ngày 01/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Yên Sơn kết luận: 01 con trâu cái khoảng 3,5

năm tuổi, trọng lượng 289kg có giá trị 21.289.474 đồng (Hai mươi một triệu hai trăm T chín nghìn bốn trăm bảy tư đồng).

Tại Kết luận định giá tài sản số: 19/KLĐG ngày 20/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Yên Sơn kết luận: 01 con trâu cái khoảng 04 năm tuổi, trọng lượng 300kg có giá trị 22.099.800 đồng (Hai mươi hai triệu không trăm chín mươi chín nghìn T trăm đồng).

Trên cơ sở Hình vi của các bị cáo, ngày 24 tháng 9 năm 2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn đã ban Hành cáo trạng số 83/QĐ- KSĐT truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T, Ma Văn T2 về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật đã nêu như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T, Ma Văn T2 phạm tội Trộm cắp tài sản;
- Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58; Điều 56 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 18 tháng đến 24 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 15 tháng tù của Bản án số: 46/2018/HSST ngày 31/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện SD. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án từ 33 tháng đến 39 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi Hình án.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Ma Văn T2 từ 15 tháng đến 21 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi Hình án.

- Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Ông Thèn Văn Sín đã nhận đủ tiền bồi thường, ông Thèn Văn Trà, Trần Văn Võ, Trần Đức Triển không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên đề nghị HĐXX không xem xét.

- Về xử lý vật chứng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Đề nghị tịch thu bán sung quỹ NH nước 01 xe mô tô biển số 22K5-7700 kèm theo 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Vàng Văn Lương; trả lại cho anh Trần Văn Võ 01 xe kéo tự chế làm bằng thép và ống nước kim loại, 01 giá đèo Hng bằng sắt; Trả lại cho bà Nguyễn Thị Thoa 01 xe mô tô biển số 22S1-214.93, 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Thị Thoa; Tịch thu T2 huỷ 03 đoạn dây thừng màu trắng.s

- Đề nghị áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Các Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự để buộc các bị cáo phải nộp án phí và tuyên về quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Ma Văn T2 nhất trí với tội danh điều luật đã nêu trong Cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử bị cáo Ma Văn T2 mức án thấp nhất, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Các bị cáo không tranh luận với Luận tội của đại diện Viện kiểm sát, nói lời sau cùng các bị cáo thể hiện sự ăn năn, xin Hội đồng xét xử cho hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về Hình vi của bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo tiếp tục khai nhận Hình vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp nhau, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của các bị hại và toàn bộ các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, từ chứng cứ nêu trên có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 11/6/2019 tại thôn KTN, xã KQ, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, Ma Văn T2 trú tại thôn YT, xã TY, huyện SD, tỉnh Tuyên Quang và Nguyễn Văn T trú tại thôn TT, xã TL, huyện SD, tỉnh Tuyên Quang đã thực hiện Hình vi trộm cắp tài sản (trâu) 02 lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Khoảng 01 giờ ngày 11/6/2019, Nguyễn Văn T và Ma Văn T2 có Hình vi trộm cắp 01 con trâu cái, trị giá 21.289.474 đồng của ông Thèn Văn Trà trú tại thôn KTN, xã KQ, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

Lần 2: Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 11/6/2019, Nguyễn Văn T và Ma Văn T2 có Hình vi trộm cắp 01 con trâu cái, trị giá 22.099.800 đồng của ông Thèn Văn Sín trú tại thôn KTN, xã KQ, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

Tổng giá trị tài sản các bị cáo trộm cắp là 43.389.274 đồng (*Bốn mươi ba triệu ba trăm T chín nghìn hai trăm bảy tư đồng*).

Hình vi của các bị cáo Nguyễn Văn T, Ma Văn T2 đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn truy tố các bị cáo là có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội.

Hình vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của những người bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội ở địa phương.

Trong vụ án này các bị cáo thực hiện Hình vi phạm tội đồng phạm giản đơn, không có sự câu kết, tổ chức chặt chẽ, đánh giá vai trò, tính chất mức độ Hình vi phạm tội của từng bị cáo HĐXX xét thấy:

Bị cáo Nguyễn Văn T là người rủ rê trộm cắp, khi bị cáo T2 nhất trí các bị cáo đã cùng nhau thực hiện Hình vi trộm cắp trâu của những người bị hại; bị cáo Ma Văn T2 khi được bị cáo T rủ rê đã hưởng ứng tích cực, đồng thời cùng bị cáo T trực tiếp thực Hình vi phạm trộm cắp trâu của các bị hại;

[2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo T, T2 mặc dù lần trộm cắp 01 con trâu cái của ông Thèn Văn Trà ra khỏi chuồng, nhưng do có tiếng động nên trâu bỏ chạy, đồng thời các bị cáo cũng bỏ lại trâu bỏ chạy, sau đó các bị cáo lại đến nh ông Thèn Văn Sín trộm cắp 01 con trâu cái đem bán lấy tiền T2 sai, nhưng các bị cáo vẫn phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội

nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự như cáo trạng truy tố là phù hợp.

Đối với bị cáo T, ngày 31/7/2018 đã bị Tòa án nhân dân huyện SD xử phạt 15 tháng tù, cho hưởng án treo, thử thách 30 tháng về tội Buôn bán Hng cấm. Bị cáo đang trong thời gian thử thách lại thực hiện Hnh vi phạm tội mới nên bị cáo phải chịu thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là Tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Do bị cáo T đang trong thời gian thử thách mà phạm tội mới nên cần buộc bị cáo phải chấp hình hình phạt 15 tháng tù của Bản án số 46/2018/HSS, ngày 31/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện SD và buộc bị cáo phải chấp Hnh hình phạt của bản án lần này, đồng thời áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt chung cho cả hai bản án là phù hợp.

- Về tình tiết giảm nhẹ Hội đồng xét xử thấy: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo tHnh khẩn khai báo tỏ ra ăn năn hối cải; các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, bị cáo T có bố để được NH nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự HĐXX áp dụng cho các bị cáo.

[3]. Hội đồng xét xử thấy các bị cáo đều không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự là phù hợp.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Ông Thèn Văn Sín đã nhận đủ tiền bồi thường, ông Thèn Văn Trà, Trần Văn Võ, Trần Đức Triển không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên HĐXX không giải quyết.

[5]. Về vật chứng: Hội đồng xét xử thấy vật chứng là 01 xe mô tô biển số 22K5 - 7700, 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Vàng Văn Lương; 01 xe kéo tự chế làm bằng thép và ống nước kim loại, 01 giá đèn Hng bằng sắt liên quan đến Hnh vi phạm tội nên cần tịch thu bán sung quỹ NH nước; Vật chứng là 01 xe mô tô biển số 22S1- 21493, 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Thị Thoa không liên quan đến Hnh vi phạm tội nên trả lại cho chủ sở hữu là chị Thoa là phù hợp. Vật chứng là 03 đoạn giấy thừng màu trắng, là công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, T2 huỷ.

[6]. Các bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm; các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7]. Về Hnh vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về Hnh vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến Hnh tố tụng, người tiến Hnh tố tụng. Do đó, các Hnh vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến Hnh tố tụng, người tiến Hnh tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với T6, Nguyễn Công B là người mua trâu nhưng Thảo và B không biết con trâu do Nguyễn Văn T và Ma Văn T2 trộm cắp mà có;

Đối với Trần Văn Võ, Phùng Đức Triển là người bán xe kéo và xe mô tô cho Nguyễn Văn T và Ma Văn T2, Nguyễn Thị Thoa cho T mượn xe mô tô biển số 22S1-214.93, nhưng không biết các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

Nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Ma Văn T2; căn cứ thêm điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 56 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

- Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Ma Văn T2 phạm tội Trộm cắp tài sản.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 15 tháng tù của Bản án số: 46/2018/HSST ngày 31/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện SD. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án **02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Ma Văn T2 **01 (một) năm 03 (ba) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại thi hành án.

3. Căn cứ: Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ NH nước 01 xe mô tô biển số 22K5 - 7700, 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Vàng Văn Lương; trả lại cho Trần Văn Võ 01 xe kéo tự chế làm bằng thép và ống nước kim loại; 01 giá đèo Hng bằng sắt.

- Trả lại cho Nguyễn Thị Thoa 01 xe mô tô biển số 22S1- 21493, 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Thị Thoa.

- Tịch thu T2 huỷ 03 đoạn giấy tờ màu trắng.

(Tình trạng các vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Yên Sơn với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn ngày 01/10/2019).

4. Căn cứ: Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Căn cứ: Các Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thoa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phùng Đức Triển, Trần Văn Võ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TQ;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND h. Yên Sơn;
- Bị cáo; Người tham gia TT;
- CQCSĐT Công an huyện;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THADS huyện;
- Sở Tư pháp TQ;
- Hồ sơ vụ án hình sự;
- Thi Hnh án hình sự;
- Lưu HS.

Nguyễn Xuân Thủy

Hội đồng xét xử sơ thẩm

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Văn Ninh – Đặng Thị Huệ

Nguyễn Xuân Thủy

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TQ;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND h. Yên Sơn;
- Bị cáo; Người tham gia TT;
- CQCSĐT Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Sở Tư pháp TQ;
- Hồ sơ vụ án hình sự;
- Thi Hình án hình sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Hội đồng xét xử sơ thẩm

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Thắng – Đặng Thị Huệ

Nguyễn Xuân Thủy